Trang/ *Page No*: 1/1
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 001093993.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Đầu nguồn Nhà Máy Sơn Đông
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	1.00	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.30	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.27	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-00 C.T.N.H TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL Q. TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0322 ISO/IEC 17025:2017

Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 002093994.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu:199B Nguyễn Đình Chiểu, F.8, TP Bến Tre
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table*

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.30	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.33	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.22	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HẢO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615-001-C.T.T.N.H.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
CHI NHANH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687
Website: http://tsl-net.com.vn

1 (c) Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0322 ISO/IEC 17025:2017

Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 003093995.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: 220D, Nguyễn Văn Tư, F.7, TP Bến Tre
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.30	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.37	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.45	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**). Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HẢO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.T.N.H.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q. TÂN BÌNH - TP HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0322 ISO/IEC 17025:2017

Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 004093996.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre. Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Đầu nguồn Chi nhánh Cấp Nước Phú Tân
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.99	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.26	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.21	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.N.H. TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL Q.TÂN BÌNH-TP.HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687
Website: http://tsl-net.com.vn

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0322 ISO/IEC 17025:2017

Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 005093997.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Tiệm Điện Dũng Loan Tân Thạch, Châu Thành
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.52	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.36	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.14	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*:
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.N.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687
Website: http://tsl-net.com.vn

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 1/1
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 006093998.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: KCN Giao Long
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.46	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.28	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.16	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*:
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA
AOSC
VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 007093999.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Đầu nguồn An Hiệp
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.98	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.21	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.T.N.H.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TP. HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA AOSC
VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 008094000.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Hộ Cẩm Vân, Cây Đa, An Hiệp
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table*

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.68	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.28	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.14	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.N.H.H. TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 009094001.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Cafe Cây Me - Võ Nguyên Giáp - TP Bến Tre
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.33	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.33	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.25	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL Q.TÂN BÌNH-TP.HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0322 ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 010094002.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Đầu nguồn chi nhánh Cấp Nước Mỏ Cày
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	1.00	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.40	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.22	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*:
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.T.N TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL Q.TÂN BÌNH-TP.HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA AOSC
VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 011094003.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Giữa Tạp hóa Hồng Phúc - Chợ Xếp - Mỏ Cày Bắc
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.40	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.31	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.27	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687
Website: http://tsl-net.com.vn

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 012094004.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Cuối Cafe Ngọc Chung, Phước Mỹ Trung, Mỏ Cày Bắc
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.28	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.28	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.26	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*:
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212515-001-C.T.T.N.H. TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL Q.TÂN BÌNH-TP.HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687
Website: http://tsl-net.com.vn

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 1/1
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 013094005.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Cuối Cơ Sở Sản Xuất nước đóng chai Phố Xanh, Hòa Lộc, Mỏ Cày Bắc
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.24	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.30	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.54	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*:
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 1/1
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 014094006.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Đầu nguồn Lương Quới
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.90	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.52	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.43	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.N.H.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 015094007.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Chi Nhánh Cấp Nước Giồng Trôm
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.65	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.52	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.29	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615-001-C.T.N
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q. TÂN BÌNH - TP HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687
Website: http://tsl-net.com.vn

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 1/1
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 016094008.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Bình Thành
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table*

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.34	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.53	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.34	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615-001-C.T.N.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q.TÂN BÌNH-TP.HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

Trang/ *Page No*: 1/1
Ngày ban hành/ *Date of issue* 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 017094009.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Đầu nguồn Sơn Định - Chợ Lách
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.90	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.41	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.24	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.N.H.H TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL Q.TÂN BÌNH-TP.HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. (c) Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 018094010.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Nhà Thờ Tin Lành, KP.3, Thị Trấn Chợ Lách
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.50	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.41	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.24	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*:
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

TSL
QUALITY BUILDS TRUST

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA
AOSC
VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

Ngày ban hành/ *Date of issue*: 07/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y296L0972
Mã KQ/ *RP. No*: 019094011.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, TP. Bến Tre, Bến Tre
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 04/12/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 04/12/2024 - 07/12/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **NƯỚC SẠCH**
   Địa điểm lấy mẫu: Nguyễn Thị Bảy, Khu Tái Định Cư, ấp Bình Thanh, xã Hòa Nghĩa, chợ Lách
   Ngày lấy mẫu: 03/12/2024
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai duran kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	*Escherichia coli* (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
2	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
3	Clo tự do (tính theo Cl_2) (*)/ Free chlorine (as Cl_2) (*)	0.20	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
4	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
5	pH (*)/ pH value (*)	7.41	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.18	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks*:
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.T.N. TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687
Website: http://tsl-net.com.vn

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*